

PHẨM 13: PHÁP CÚNG DƯƠNG

Bộ kinh này gồm mười bốn phẩm, một phẩm đầu là phần duyên khởi. Mười một phẩm kế là phần bản tông đến đây đã xong; đến hai phẩm sau là phần tán thán trao cho lưu thông. Phần này gồm có hai: Một là một phẩm này là tán thán và lưu thông, tức khen ngợi người và pháp, khiến tất cả đều tu học. Một phẩm Chúc Lụy sau cùng thì nói về việc trao cho kinh này để được lưu thông. Tức giao phó cho Bồ-tát Di-lặc lưu hành ở hậu thế. Nếu chẳng khen ngợi đạo đức thù thắng thì lấy gì để khuyến hóa lưu truyền đời sau? Tùy thuận phụng sự chỗ cần dùng gọi là cúng, nuôi dưỡng đức của thân gọi là dưỡng. Việc này chung cho cả pháp và tài. Tiền tài là vật dùng để tư dưỡng thân, pháp là điều để trưởng dưỡng đạo. Tài vật là việc cần dùng của thời gian gần, tức thuận theo bấy giờ mà có lợi ích. Pháp là sự lợi ích cho thời gian lâu xa, dùng Thánh đạo mà tư dưỡng. Nay nêu nhân thù thắng này khuyên hữu tình tin học, xả bỏ nghiệp kém nhỏ, trợ giúp pháp thể mà tu trì. Phẩm này trình bày việc trên, cho nên gọi là phẩm Pháp Cúng Dưỡng.

Kinh: *Bấy giờ, trời Đế Thích... pháp môn giải thoát.*

Tán: Toàn phẩm chia làm ba đoạn.

1. Thiên đế khen ngợi.
2. Thế Tôn ấn chứng.
3. Trình bày việc đã qua, để khuyến phát tâm tu hành thù thắng.

Trong đoạn đầu lại chia làm bốn:

1. Ta nghe được điều hy hữu.
2. Người đạt được lợi ích tốt đẹp.
3. Cung kính cúng dưỡng người học.
4. Tùy nơi khuyến hóa diễn thuyết.

Đây là phần đầu. Xưa gặp hai bậc Thánh thường nghe được diệu pháp, nay nhận lấy cảnh thù thắng; thật chưa từng được nghe. Bản xưa ghi: “Tự tại”, tức là thân thông là sự thù thắng, quyết định thật tướng tức là lý thù thắng, cũng là hai thù thắng tự lợi và lợi tha. Đây là sở thuyên, kinh là năng thuyên.

Kinh: *Như con hiểu điều Phật nói... như lý tu tập.*

Tán: Thứ hai, người có lợi ích thù thắng. Có hai:

1. Dẫu có tu nghiệp thấp kém thì cũng thành pháp khí, hà huống tu thắng hạnh chẳng được lợi ích lớn sao?
2. Lợi ích của việc tu thắng hạnh. Hạnh thấp kém có sáu: Nghe, tin hiểu, tư duy, thọ trì, đọc, tụng, thuyết cho người khác nghe, còn gọi

là bậc pháp khí; pháp khí tức là vật đựng tu pháp, đựng pháp.

Trên đã nói về văn và tư, tuy là nhân yếu kém mà đã là pháp khí, hà huống gì tinh tấn siêng năng như lý tu hành, y giáo tu tập hành pháp thứ mười, ắt là thành nhân Phật, nghĩa là tu tuệ nương nơi giáo mà thực hành.

Kinh: *Hữu tình như thế... mở con đường lành bằng phẳng.*

Tán: Nói về lợi ích của việc tu thắng hạnh, như lý tu tập, tất cả gồm bảy câu phân làm ba đôi đối đãi, hoặc chung cho các nghiệp thấp kém nói ở trước đều có năng lực này:

1. Đóng đường ác mở đường thiện.
2. Gặp duyên thiện lìa duyên ác.
3. Được trí quán, diệu cảnh.

Đây là văn thứ nhất, ba ác thú nghĩa là đường ác nguy hiểm khéo đóng bít. Cõi trời người là con đường lành bằng phẳng khéo mở thông. Hoặc ác thú là quả ác, đường hiểm là nhân ác. Thiện thú là quả lành, đường bằng phẳng là nhân lành. Đối với hai con đường này thì khéo léo mở hoặc đóng.

Kinh: *Thường thấy tất cả... ma quân bạo ác.*

Tán: Đoạn này gồm ba câu nói về gặp duyên thiện lìa duyên ác sẽ thành tựu bảy biện và mười Lực.

Kinh: *Thanh tịnh đạo Bồ-tát... con đường sở hành của Như Lai.*

Tán: Đoạn này gồm hai câu nói về được trí quán và diệu cảnh. Đạo tức là nhân, do nơi nhân tịnh Bồ-đề, mà an lập được trí diệu giác. Từ đó mà thực tiễn quán con đường thắng diệu, là cảnh giới sở hành của Như Lai.

Kinh: *Lại nói Bạch Thế Tôn!... Thiện nữ...*

Tán: Thứ ba, cung kính cúng dường người có học.

Kinh: *Bạch Thế Tôn! Nếu có... làm cho không có chướng nạn.*

Tán: Thứ tư, tùy nơi chốn khuyến hóa mà tuyên thuyết. Nếu có nơi lưu thông pháp môn này, thì chúng con sẽ đến nơi đó nghe nhận. Nếu có người chưa tin, khuyên họ tin, người đã tin thì hộ vệ làm cho họ không gặp nạn, đạt đến chứng đắc, hoặc cho rằng lưu thông tức là biên chép...

Kinh: *Bấy giờ, Thế Tôn... pháp môn vi diệu.*

Tán: Đoạn thứ hai, Thế Tôn ẩn khả, có hai:

1. Ẩn khả lời nói trước.
2. Thuật lợi ích tốt đẹp của kinh.

Đây là văn thứ nhất. Đối với điều thiện thì chẳng trái, vui mừng

khen ngợi để hỗ trợ, gọi đó là tùy hỷ. Bản xưa ghi: “Ta tán trợ sự tùy hỷ của ông”. Tức Thiên đế chẳng tùy hỷ, ý nghĩa trái nhau.

Kinh: *Thiên đế nên biết... lược nói chỉ bày.*

Tán: Nói về lợi ích của kinh, có hai:

1. Thuyết hơn cho nên hơn.
2. So sánh số lượng hơn cho nên hơn.

Trong đoạn đầu lại có hai:

1. Đồng tuyên thuyết pháp thù thắng.
2. Thành tựu việc cúng dường.

Đây là ý thứ nhất. Bồ-đề cần phải chứng đắc, chẳng thể bàn luận rộng suông, tất cả đều ở pháp môn này, cho nên lược nói khai thị.

Kinh: *Vì thế, nếu có... hiện tại chư Phật.*

Tán: Thành tựu việc cúng dường. Nói Vô thượng Bồ-đề của ba đời chư Phật, vô thượng giác tuệ của chân lý vô tướng. Nay thấy tùy thuận tức là pháp cúng dường ba đời Như Lai. Đức của Như Lai chẳng ngoài hai môn lý và tuệ. Trong phần này có tám ý là nghe, tin hiểu, thọ trì, đọc, tụng, tuyên thuyết, biên chép và cúng dường. Ban phát cho người và tu tập căn cứ theo đây cũng như thế.

Kinh: *Lại trời Đế Thích... phụng thí cúng dường.*

Tán: So sánh cho nên hơn, có ba:

1. So sánh làm câu hỏi.
2. Trời Đế Thích đáp.
3. Như Lai lại thành tựu cho.

- Phần một lại có ba:

1. So sánh hiện tại.
2. So sánh sau khi diệt.
3. Chánh thức hỏi.

- Trong phần một lại có ba:

1. Dụ Phật nhiều ít.
2. Thời gian cung kính.
3. Tứ sự cúng dường.

Nhân dân ở Ấn Độ trồng rất nhiều mía, tre lau, lúa mè. Cây trên rừng núi thân rất thẳng, cũng có thể làm đòn gánh, mọc dày kín, rất nhiều. Như trong núi sâu tự tạo thành rừng cây, cho nên lấy làm dụ. Quả viên mãn của Như Lai cũng như thế. Trải qua một kiếp hoặc hơn một kiếp, thân cung kính, ý tôn trọng, miệng khen ngợi, ba nghiệp thực hành việc phụng sự không thiếu sót trái nghịch. Vật cúng gồm có ba:

1. Âm thực.

2. Ngọa cụ.

3. Thuốc men.

Chỗ ở chỉ có một là phòng ốc. Dùng bốn vật thượng diệu ấy để cúng dường, để sinh an lạc, cho nên gọi là an lạc cúng cụ, thủ cư.

Kinh: *Đối với các Như Lai... trang nghiêm đệ nhất.*

Tán: Sau khi diệt so sánh, có hai:

1. Xây tháp để cúng dường Xá-lợi.

2. Cúng dường trải qua thời gian.

- Đây là văn thứ nhất, có ba:

1. Cúng Xá-lợi.

2. Tạo tháp.

3. Nói về trang nghiêm.

Tốt-đổ-ba, xưa dịch âm Phù-đồ, là sai lầm. Hán dịch là Cao hiển, rộng bao trùm cả bốn châu, cao đến trời Phạm thế, trên đỉnh có đặt luân báu, hai bên có hương hoa phan lọng, ở giữa có vật báu, dùng kỹ nhạc cúng dường, thù thắng bậc nhất.

Kinh: *Kiến lập như thế... tán thán cúng dường.*

Tán: Cúng dường trải qua thời gian, có ba:

1. Nói về thời tiết.

2. Nói về ngoại cúng.

3. Nói về nội nghiệp.

Ngoại cúng có mười hai thứ là tràng hoa hương đốt, hương xoa, hương bột, y phục, phan, lọng, tràng báu, lồng đèn, vật báu, kỹ nhạc và các loại khác. Cúng dường có ba: thân cung kính, ý tôn trọng và miệng khen ngợi. Ngoài mười hai loại này ra lại phải trải qua thời gian lâu xa cúng dường. Thiêu hương tức là loại trầm hương dùng để đốt, đồ hương tức là mùi hương chiên-đàn để xoa trên tháp, mặt hương tức nghiền hương thành bột để rải trên tháp.

Kinh: *Vì sao... được phước nhiều chăng?*

Tán: Chính thức hỏi.

Kinh: *Trời Đế Thích nói... phước ấy tụ rất nhiều.*

Tán: Thứ hai, Đế thích trả lời.

Kinh: *Đức Phật bảo Thiên đế... rất nhiều nơi đó.*

Tán: Thứ ba, Như Lai lại thành tựu cho nghĩa trên; gồm có ba:

1. Nêu lên.

2. Giải thích.

3. Kết luận.

Đây là phần một.

Kinh: *Vì sao?... chẳng thể dùng tài vật.*

Tán: Giải thích nguyên do. Trí vô thượng của Phật từ đây mà có, pháp thân nhân nơi đó mà hiển, báo thân nhân đó mà sinh. Kinh chỉ nói sinh, vì nêu Bồ-đề của báo Phật. Chỉ có pháp cúng mới gọi là cúng, vì lợi ích của pháp này rất lớn, chẳng phải tài vật, tài vật cúng Phật và pháp không hiển được pháp thân, chẳng sinh báo Phật. Cho nên học kinh này, đạt được phước nhiều hơn kia.

Kinh: *Thiên đế nên biết!... phước ấy rất nhiều.*

Tán: Đây là kết luận. Quả Vô thượng giác, công đức rất nhiều, cúng nhân pháp này thì phước cũng chẳng nhỏ.

Kinh: *Bấy giờ Đức Thế Tôn... Phật Thế Tôn.*

Tán: Đoạn thứ ba, nêu việc xưa để khuyến phát tu nghiệp thù thắng, có ba:

1. Nói việc xưa.
2. Dùng xưa tức nay.
3. Khen ngợi pháp, trước nên tu tập thắng pháp.

- Phần đầu có năm:

1. Phật tại cúng dường.
2. Khuyên con tu học.
3. Nguyệt cái tư duy và nêu lợi ích.
4. Dực Vương chỉ dạy.
5. Nguyệt cái truyền bá lưu thông.

- Văn thứ nhất lại có bảy:

1. Thời gian.
2. Nêu tên Phật.
3. Tên cõi.
4. Tên kiếp.
5. Thọ lượng của Phật.
6. Tăng số của hai bộ.
7. Luân vương cúng dường.

Đây là đoạn một có hai ý đầu. Kiếp có rất nhiều ở đây chỉ nói đến đại kiếp. Trong mười hiệu của Phật thì hiệu Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác như trước đã giải thích. Du-già tám mươi ba ghi là Minh Hành Viên Mãn, tức ba minh, già hạnh và hạnh, hạnh hạnh đều viên mãn. Vả lại thanh tịnh ba nghiệp, hiện hành chánh mạng và bốn tâm tăng thượng, hiện pháp lạc trụ, tất cả đều viên mãn. Trước là hành hạnh sau là trụ hạnh, thậm giữ gìn căn môn là già hạnh viên mãn. Hai hạnh này có thể hiển bày ba pháp chẳng hộ trì, làm quên sót. Do chẳng tạo

lỗi lầm, tĩn lự thế gian có thể ngăn trừ tự khổ hạnh. Thiện thế nghĩa là nơi đem dài có đầy đủ tất cả đức của hai loại lợi ích. Ở đây ý nói là như ở thế gian thấy người đạt được sự giàu có thì liền nói người này đã đi rồi. Nay Đức Phật đến quả vị thì nói đã khéo đi rồi. Cho nên gọi là Thiện Thế. Thế gian giải nghĩa là thông đạt tất cả các loại hữu tình và khí thế gian do khéo ngộ nhập hữu tình và thế gian, cho nên có thể y cứ vào mé trước mé sau mà túc trụ sinh tử, y cứ vào tất cả thời mà có tám mươi bốn ngàn hạnh sai biệt. Đối với khí thế gian thì trong mười phương thế giới như phương Đông... những việc vô biên, thành hoại đều khéo rõ biết. Lại còn rõ biết được tự tánh, nhân duyên, đấm trước, lỗi lầm, xuất ly, hạnh thú hưởng... của các pháp thế gian. Vô thượng Trượng phu, Điều ngự Sĩ, vì trí không ai bằng, không gì hơn; đối với hiện pháp thì làm Điều ngự của nhiều phần, làm Trượng phu của vô lượng, là bậc nhất. Thiên nhân sư, do ngài mà hàng trời người hiểu được nghĩa sâu xa, siêng năng tu chánh hạnh, có năng lực. Phật-đà nghĩa là rất ráo đoạn trừ tất cả tập khí phiền não, hiện Chánh đẳng giác A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Bạc-già-phạm, bình thản ngôi yên, được tòa diệu Bồ-đề, tự tại phá dẹp tất cả ma quân, vì có thế lực lớn. Trong đó Như Lai là từ chung nêu đầu tiên, Ứng Chánh Đẳng Giác tức vĩnh viễn giải thoát khỏi phiền não chướng và sở tri chướng. Trong phần riêng lại có hai là cộng đức và bất cộng đức. Trong cộng đức là nói giải thoát phiền não chướng và sở tri chướng, còn các câu khác như Minh hành Viên mãn thì thuộc về bất cộng đức, xét kỹ văn nghĩa cũng có thể biết được. Tuy kinh Niết-bàn, Bát-nhã... cũng có nêu lên mười hiệu, nhưng ở đây hãy theo luận, tùy ý lấy bỏ.

Kinh: Thế giới của Đức Phật kia... mười hai câu-chi.

Tán: Đoạn này gồm có bốn:

1. Nêu tên cõi.

2. Tên kiếp.

3. Thọ mạng của Phật. Trong hai mươi loại kiếp thì đây là dùng số ngày tháng năm làm kiếp, chẳng phải kiếp tăng giảm... vì trái với chánh lý.

4. Số tăng chúng, tức Thánh chúng ba thừa là đệ tử.

Kinh: Bảy giờ, có Luân vương... hay chế phục các quân khác.

Tán: Thứ bảy, Luân vương nói cúng dường, có hai:

1. Nói về Luân vương.

2. Nói về cúng dường.

Đây là phần thứ nhất. Bảy báu tức là voi, ngựa, vị quan thống lãnh

quân lính, vị quan chủ về kho tàng, ngọc nữ, châu và bánh xe báu; Kim luân vương mới đủ bảy báu vật này, cho nên mới cai quản bốn châu. Đây cũng là vật mà Đế Thích đã có. Luân vương xuất thế từ trời giáng hạ. Bảy báu này mỗi mỗi đều có công dụng thù thắng riêng biệt, như kinh Chánh Pháp Niệm Xứ hai và Di-lặc Thành Phật Kinh Sớ đã giải thích.

Kinh: *Bấy giờ, Luân vương Bảo Cái... dâng lên cúng dường.*

Tán: Đây là nói dùng tài vật cúng dường.

Kinh: *Đã qua năm kiếp... cung kính cúng dường.*

Tán: Thứ hai, khuyên các người con tu học, có hai:

1. Khuyên.

2. Nghe theo.

Đây là đoạn văn thứ nhất.

Kinh: *Bấy giờ, một ngàn người con... đều nói lành thay!*

Tán: Thứ hai, nghe theo, có hai: Cha chỉ dạy đã quý trọng, nên lời nói và hành động đều thuận theo, hiệp tức là hòa, không tranh cãi.

Kinh: *Bấy giờ, có một Vương tử... hơn pháp này chẳng?*

Tán: Thứ ba, Nguyệt Cái tư duy làm lợi ích, có năm:

1. Tư duy lợi ích.

2. Hư không phát ra tiếng nói.

3. Đặt câu hỏi.

4. Chư Thiên đáp.

5. Cầu thỉnh.

Đây là văn thứ nhất. Ta nay ân cần tôn trọng sống ở thế gian đã không, lại nêu có pháp nào hơn thì nên tu pháp ấy.

Kinh: *Nhờ thần lực của Phật... rất thù thắng.*

Tán: Hư không phát ra tiếng nói. Cúng dường tài vật là việc của thế gian, chưa đủ để quý trọng, pháp cúng là việc xuất thế mới là thù thắng nhất.

Kinh: *Liên hỏi rằng: Thế nào là pháp cúng dường?*

Tán: Thứ ba, hỏi.

Kinh: *Chư Thiên đáp rằng: Nay Nguyệt Cái!... giảng thuyết chỉ bày.*

Tán: Thứ tư, chư Thiên trả lời.

Kinh: *Vương tử Nguyệt Cái... tướng ấy như thế nào?*

Tán: Thứ năm, cầu thỉnh. Từ câu “lại trụ” trở lên là nói về phép tắc thưa thỉnh. Từ câu “Bạch rằng...” trở xuống là chánh thức cầu thỉnh giải thích.

Kinh: *Được Vương Như Lai... tổng trì kinh vương*

Tán: Thứ tư, Được Vương Như Lai chỉ dạy, có hai:

1. Nói về việc nương vào giáo, Bồ-tát trước mười Địa phần nhiều thực hành cúng dường pháp.

2. Nói về việc nương vào hạnh, Bồ-tát mười Địa phần nhiều hành cúng dường pháp.

- Trong phần đầu lại có ba:

1. Nêu lên.

2. Giải thích.

3. Kết luận.

- Trong phần giải thích có hai:

1. Nói về pháp được cúng dường.

2. Từ câu “Như thế! Kinh điển thích nghe...” là nói về pháp cúng dường.

- Trong phần nói về pháp được cúng dường có hai ý:

1. Nói về thể của kinh.

2. Nói về dụng của kinh.

Đây là phần nói về thể của kinh. Có hai loại kinh: Kinh chân thật rất sâu xa, và kinh tương tự sâu xa. Không Lý Nghĩa ghi: “Loại đầu là giáo thẳng nghĩa tam vô tánh không, loại sau là giáo thế tục tam vô tánh hữu”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Loại đầu là giáo chẳng không, chẳng có ba tánh bình đẳng, loại sau chỉ nói về giáo “không”, ba vô tánh. Hai loại kinh này gồm mười nghĩa:

1. Thế gian khó tin nhận.

2. Khó vượt qua, để tu học đến rốt ráo.

3. Khó thấy.

4. U huyền sâu xa.

5. Vi diệu sâu kín.

6. Không tạp nhiễm.

7. Đại thừa liễu nghĩa.

8. Chẳng thể phân biệt có thể biết.

9. Thuộc Bồ-tát tạng, chẳng thuộc giáo Nhị thừa.

10. Tổng trì kinh vương, bao hàm tất cả.

Giáo lý đều gồm đủ là vua của các kinh. Bản dịch xưa chỉ ghi bảy nghĩa.

Kinh: *Là sở ấn của ấn Phật... nên nhiếp thọ.*

Tán: Nói về dụng của kinh, gồm ba mươi câu. Bản dịch xưa chỉ có hai mươi lăm câu. Đoạn này có bốn câu:

1. Sở ấn của ấn Phật; chân như vô tướng gọi là ấn Phật, những chân như được chứng khác còn chưa được viên mãn, vì thế chỉ có gọi là Phật ấn. Giáo là sở ấn của lý, cho nên nói là sở ấn của ấn Phật. Bản xưa ghi là Đà-la-ni ấn, là sở ấn của Tổng trì tánh, cũng là ấn lý chân như vô tướng.

2. Hay phân biệt chỉ bày bốn bất thoái chuyển.

3. Sáu đáu bử ngạn do đây mà khởi.

4. Khéo gồm thâu sở nhiếp và sở ứng nhiếp, nghĩa là giáo trình bày các đạo lý vi diệu và giáo làm lợi ích tất cả hữu tình. Bản xưa ghi: “Khéo phân biệt các nghĩa?” Tức là hai loại này.

Kinh: *Pháp Bồ-đề phần... duyên khởi sâu xa.*

Tán: Đoạn này gồm sáu câu:

1. Pháp Bồ-đề phần thực hành tùy theo chỗ hành, tức là tùy theo giáo mà hành Bồ-đề phần.

2. Bảy Giác chi tự có thể dẫn phát, nghĩa là giáo là do giác chi dẫn phát, phát khởi. Nếu bảy Giác chi là do giác dẫn dắt, do giáo phát khởi thì sẽ không phân biệt được với Bồ-đề Phần chính là pháp tùy hành. Bản xưa ghi: “Trên hết trong các kinh”. Vì do giác chi dẫn phát cho nên được gọi là trên hết.

3. Hay luận thuyết, chỉ bày, đại Từ, đại bi.

4. Nhỏ sạch gốc khổ cho hữu tình, ban cho hữu tình sự an lạc. Hoặc do nói Từ bi cho nên hay trừ khổ. Bản dịch xưa không có ý này.

5. Xa lìa năm kiến, sáu mươi hai kiến thú và bốn ma oán.

6. Phân biệt điển nói mười hai duyên khởi.

Kinh: *Luận bên trong thì vô ngã... vô khởi tương ứng.*

Tán: Đoạn này có hai câu:

1. Luận bốn chỗ lìa ngã là bên trong vô ngã, bên ngoài không có hữu tình, khoảng giữa không có thọ mạng và người nuôi dưỡng, tất cả đều không có số thủ thú. Đây là tên khác của ngã.

2. Tương ứng với lý tánh Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô sinh khởi, vì giáo thuận với lý.

Kinh: *Hay dẫn sinh diệu giác... khen ngợi cúng dường.*

Tán: Đoạn này có ba câu:

1. Dẫn sinh diệu giác, diệu giác tức là Phật.

2. Chuyển pháp luân, vì giáo xoay chuyển bánh xe Thánh đạo.

3. Tám bộ chúng cúng dường.

Kinh: *Dẫn dắt chúng sinh... từ tự đại pháp.*

Tán: Đoạn này gồm hai câu:

1. Dẫn sinh cúng dường pháp tất cả ruộng tốt mà khởi mười hạnh.
2. Viên mãn tất cả những từ tự của chúng sinh. Từ tự là hội pháp thí, tức hay thành tựu viên mãn những hội pháp thí. Bản dịch xưa hợp hai câu này làm một và ghi là: “Vào kho tàng Phật pháp”.

Kinh: *Tất cả Thánh hiền... là chỗ quy về.*

Tán: Đoạn này có ba câu:

1. Được Thánh hiền nhiếp thọ; vì đó là giáo cùng tột.
2. Khai phát diệu hạnh vì nhân nơi giáo mà biết rõ.
3. Pháp nghĩa đều nương tựa quy về.

Pháp chân thật và nghĩa đều ở nơi đây, cho nên gọi là chỗ quy về.

Kinh: *Tối thắng vô ngại... bốn loại pháp Ôn-đà-nam.*

Tán: Đoạn này gồm hai câu:

1. Bốn vô ngại thù thắng nhân đây mà khởi. Bản dịch xưa không có câu này.

2. Luận về pháp lược tập, tiếng Phạm gọi là Ôn-đà-nam, Hán dịch là Lược tập. Pháp Ôn-đà-nam tức là giáo lược tập.

Bốn pháp lược tập là:

1. Các hành vô thường.
2. Hữu lậu đều khổ.
3. Các pháp vô ngã.
4. Niết-bàn tịch tĩnh.

Như kinh Bồ-tát Địa và Bát-nhã Thắng Thiên Vương đã nói. Nếu gọi Ôn-đà-nam thì Hán dịch là Tập thí, tức các kệ tập nghĩa trong các kinh, nghĩa là dùng kệ tụng để gom tập các nghĩa lý mà ban cho người học, cho nên gọi là Tập thí. Nay nói pháp lược tập thì chỉ là phần trường hàng, do đó hai bản khác nhau. Hoặc nói bốn nghĩa lược tập mà sinh bốn giáo lược tập, vì phân chia nên có hai.

Kinh: *Ngăn trừ tất cả... chúng ác ma quân.*

Tán: Đoạn này có bốn câu:

1. Trừ bỏ sáu tặc; bản xưa ghi “hay cứu người phá hủy giới cấm” tức chỉ cho điều tặc ác do giới độ diệt trừ.
2. Làm kinh sợ những ngoại đạo tà kiến, chấp trước.
3. Mở thế lực pháp thiện cho hữu tình, khiến được sinh trưởng.
4. Phá dẹp ác ma. Bản dịch xưa nói đoạn này đồng với ngoại đạo.

Kinh: *Chư Phật hiền Thánh... chư Phật cùng thuyết.*

Tán: Đoạn này gồm bốn câu:

1. Thánh hiền khen ngợi.
2. Trừ khổ sinh tử.
3. Chỉ sự an vui của Niết-bàn.
4. Chư Phật cùng tuyên thuyết.

Kinh: *Kinh điển như thế... gọi là cúng dường pháp.*

Tán: Trên là nói pháp được cúng dường, ở đây là nói đến cúng dường pháp, gồm có tám hạnh là nghe, tin hiểu, thọ trì, đọc, tụng (hai hạnh này là lợi ích chung); tư duy khiến cho lý hiểu rõ nơi tự tâm, rồi lập bày, phân biệt, khai thị nghĩa ấy, khiến cho lý rõ ràng hiện tiền, tự thực hành như thế rồi; thì giảng thuyết cho người nghe; phương tiện khéo léo, giữ gìn chánh pháp, như giáo tu hành, gọi đó là cúng dường pháp. Pháp môn có mười như trước đã nói, trong đó biên chép và ban phát cho người thì thuộc về tài cúng, cho nên không nêu lên, chỉ nêu bảy hạnh, tin hiểu thì thuộc về tư duy. Thực hành những pháp này thì đều thuộc về cúng dường. Hạnh tuy có tám mà thể chỉ có bảy. Bản dịch xưa chỉ ghi sáu.

Kinh: *Lại Nguyệt Cái... như pháp tu hành.*

Tán: Đây là nói nương vào hạnh, Bồ-tát Thập địa thực hành cúng dường pháp, có ba phần:

1. Nêu lên.
2. Giải thích.
3. Kết luận.

Trong phần giải thích lại có mười sáu câu. Bản xưa có mười ba câu. Đoạn này có hai câu:

1. Điều phục ba nghiệp xa lìa các pháp ác.
2. Như pháp tu hành tu tập các điều thiện. Bản xưa không có câu này mà hợp làm một câu, nhưng vẫn đủ hai nghĩa.

Kinh: *Tùy thuận duyên khởi... và không có hữu tình.*

Tán: Đoạn này có ba câu:

1. Tùy thuận quán nhiễm tịnh, thuận nghịch của duyên khởi mà chẳng đồng như Độc giác tu hành chứng ngộ, cho nên nói tùy thuận; hoặc cho rằng tâm thuận cảnh mà quán duyên khởi cho nên gọi là tùy thuận, do đó có thể xa lìa tà kiến bác không có nhân quả.

2. Tu tập Vô sinh nhẫn.

3. Ngộ nhập được nội thân vô ngã, ngoại cảnh không có hữu tình.

Kinh: *Đối với nhân duyên... không có chỗ nhiếp thọ.*

Tán: Đoạn này gồm hai câu:

1. Không có lời trái nghịch với nghĩa lý của duyên khởi, không tranh cãi nên không có các luận thuyết khác.

2. Lìa ngã và ngã sở, không có chỗ nhiếp thọ, nếu nhiếp thọ các pháp thì có chấp trước; vì có chấp hai.

Kinh: *Nương nơi nghĩa... thấy có sở đắc.*

Tán: Đây là nói về bốn y, có bốn câu có thể tự biết. Như kinh Niết-bàn phối hợp với các giai vị, như luận Du-già pho thứ hai đã nói. Nêu y cứ theo nghĩa lý, vì chẳng phải là văn tự; trí mới có thể quyết định, thức chẳng thể quyết định được, liễu nghĩa thì rõ ràng, chẳng phải là mật nghĩa; pháp mới nên làm quy tắc, chỉ duyên nơi pháp, chẳng phải nương nơi số thủ thú có sở đắc, thì liền tin nhận.

Kinh: *Tánh tướng như thế... diệt thức A-lại-da.*

Tán: Đoạn này có hai câu:

1. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Như tướng y tha khởi. Tánh viên thành thật mà ngộ giải”. Không Lý Nghĩa ghi: “Tùy các thế gian, tánh tướng như thế mà hiển thành vô đắc”.

2. Ngộ nhập chân như không có sở nhiếp tàng diệt thức A-lại-da.

Kinh: *Dứt trừ vô minh... xả các kiến thú.*

Tán: Đoạn này có ba câu:

1. Dứt mười hai chi duyên khởi.

2. Dứt quả duyên khởi, trừ phiền não ưu bi sâu khổ; các điều này đều từ lão tử mà sinh là quả của duyên khởi.

3. Quán các tướng duyên khởi dẫn đến vô tận; lia cùng tận cho nên thường dẫn phát, chưa từng đoạn dứt, bị nguyện cứu độ hữu tình. Vì có duyên khởi này, luôn chẳng xa lìa nên cứu giúp họ. Xả bỏ các kiến thú, tức là trừ các kiến chấp vô nhân, ác nhân...

Kinh: *Như thế gọi là... cúng dường pháp tối thượng.*

Tán: Kết luận; nương vào đây tu hành, hoặc hạnh trước khi tu thắng quả của Bồ-tát mười Địa gọi là thượng cúng, chưa phải là chánh hạnh, còn đây là nói về chánh hạnh.

Kinh: *Đức Phật nói với Thiên đế... được thuận pháp nhãn.*

Tán: Thứ năm, Nguyệt Cái truyền bá lưu thông, có bốn:

1. Xin được truyền bá lưu thông.

2. Thọ ký.

3. Xuất gia đắc quả.

4. Hành hóa sau khi diệt độ.

- Trong phần thứ nhất lại có ba:

1. Nghe pháp được lợi ích.

2. Đáp trả cúng dường y và vật trang nghiêm.
3. Chính thức xin được trình bày.

Đây là văn thứ nhất. Vô sinh pháp nhẫn thì chứng tại Sơ địa, thuận với quyết trạch nhẫn vị trước mười Địa. Nay nghe pháp đạt được Thuận pháp nhẫn. Kinh Nhân Vương phối hợp nhẫn với các vị:

1. Phục nhẫn trước mười Địa.
2. Tín nhẫn tại Địa thứ nhất, hai, ba.
3. Thuận nhẫn tại Địa thứ tư, năm, sáu.
4. Vô sinh nhẫn tại Địa thứ bảy, tám, chín.
5. Tịch diệt nhẫn tại Địa thứ mười và Phật địa.

Nay nói thuận nhẫn là mới chứng Địa thứ tư, cho nên bản dịch xưa ghi: “Được nhu thuận nhẫn”, hai cách giải tùy ý mà chọn một.

Kinh: *Liên cõi y báu... Được Vương Như Lai.*

Tán: Thứ hai là đáp trả cúng dường y và vật trang nghiêm.

Kinh: *Bạch rằng: Bạch Thế Tôn... tu hạnh Bồ-đề.*

Tán: Thứ ba, chánh thức cầu xin. Con mong cầu sau khi Như Lai diệt độ, sẽ nhiếp thọ chánh pháp mà thực hành cúng dường pháp, để giữ gìn chánh pháp. Nếu chẳng nhiếp thọ chánh pháp, thì chẳng thành tựu cúng dường pháp, cũng chẳng thể giữ gìn chánh pháp. Cho nên cầu xin Đức Phật thương xót ban cho Từ bi, thêm oai và lực cho thần thông cứu độ, khiến cho không nạn, khiến hàng ma, giữ gìn chánh pháp và khiến tu hành.

Kinh: *Được Vương Như Lai... có thể giữ gìn thành trì chánh pháp.*

Tán: Thứ hai là thọ ký. Thấy nhân tu kia thì liền phát nguyện cầu xin; quán nhân thấy quả, cho nên thọ ký. Chánh pháp như thành trì, hành giả như người sống trong thành. Nguyệt Cái hay giữ gìn chánh pháp cho nên nói là giữ gìn thành trì chánh pháp.

Kinh: *Bấy giờ, Vương tử kia... tu các pháp thiện.*

Tán: Thứ ba, xuất gia đạt được quả, có năm câu. Đoạn này có hai câu:

1. Hoan hỷ xuất gia.
2. Tinh tấn tu thiện. Tu hạnh Niết-bàn viễn ly gọi là phi gia.

Kinh: *Vì siêng năng tu thiện... diệu biện không đoạn.*

Tán: Đoạn này gồm ba câu:

1. Được năm thông.
2. Được tổng trì.
3. Được bảy biện hoặc đạt được vô đoạn tận biện và Đà-la-ni biện. Bản xưa thêm câu “Thông đến đạo Bồ-tát”.

Kinh: *Dược Vương Như Lai... chuyển pháp luân.*

Tán: Thứ tư, hành hóa sau khi diệt độ, có hai:

1. Thời gian hành hóa.
2. Chỗ giáo hóa nhiều ít.

Đây là phần thứ nhất. Mười trung kiếp tức là kiếp ngày tháng năm, chẳng phải loại kiếp khác, vì trái với chánh lý.

Kinh: *Bí-sô Nguyệt Cái... sinh vào cõi trời.*

Tán: Đây là chỗ nói về chỗ giáo hóa nhiều ít, có ba:

1. Khiến chứng bốn vị bất thoái của Đại thừa.
2. Khéo điều thuận tâm Nhị thừa, được quả A-la-hán. Kinh Phật Địa, đầu tiên khen ngợi đức của bậc Vô học, vì tâm đã điều thuận.
3. Dẫn hàng vô chủng tánh sinh vào cõi trời. Câu thứ nhất và hai là nói hàng có chủng tánh tùy thuận được ba thừa; một câu sau nói về vô tánh, cho nên khiến sinh vào cõi trời.

Kinh: *Phật bảo Thiên đế... Bảo Diệm Như Lai.*

Tán: Đoạn thứ hai, dùng xưa tức nay, có ba:

1. Tức Luân vương.
2. Tức một ngàn Vương tử.
3. Tức Nguyệt Cái.

Đây là đoạn một.

Kinh: *Một ngàn vương tử con của vua... còn những vị khác sẽ xuất thế ở đời tương lai.*

Tán: Đây là nói tức ngàn người con. Một ngàn người con ở đây chỉ nói có một duyên. Lại có các duyên riêng biệt như trong kinh Dược vương Dược Thượng và kinh Thiên Phật Nhân Duyên đã nói, đó chính là Phật Ca-lạc-ca-thôn-đà thứ nhất, Phật Ca-lạc-ca Mâu-ni thứ hai, Phật Ca-diếp-ba thứ ba, Phật Thích-ca Mâu-ni thứ tư đã giải thích trong Di-lặc Thượng Sinh Kinh Số. Bốn vị Phật này đã xuất thế, còn các vị khác đương lai sẽ xuất thế; về kiếp số, thứ tự, thời gian, giai vị, mỗi mỗi như Thượng Sinh Kinh Số đã nói.

Kinh: *Vương tử Nguyệt Cái hộ pháp lúc bấy giờ... tức là thân Ta.*

Tán: Đây là nói tức Nguyệt Cái. Hiện thị tự thân Như Lai giữ gìn pháp này, hành cúng dường pháp nay được Bồ-đề, khuyên các hữu tình cũng nên như ta giữ gìn học tập thực hành cúng dường pháp.

Kinh: *Thiên đế nên biết... vô thượng, tối thượng.*

Tán: Khen ngợi pháp, trước khuyên tu lợi ích thù thắng, có hai:

1. Khen.
2. Khuyên.

Đây là đoạn thứ nhất. Tối tôn vì hạnh cao tốt, tối thắng vì hạnh siêu việt, tối thượng vì hạnh bậc nhất; tối diệu, vì hạnh thiện vi diệu; vô thượng vì không có gì hơn; hoặc tùy theo thứ tự; bốn tối thắng đầu tiên là dùng ẩm thực, y phục, ngọa cụ, thuốc men để cúng dường; ý nói vô thượng là do bốn tối thắng trước cho nên thế là vô thượng. Vả lại do cúng dường pháp, nên hay được pháp thân năm uẩn vô lậu, đó là năm uẩn giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, theo thứ tự phối hợp. Hoặc được thanh tịnh pháp giới, đại viên cảnh trí, bình đẳng tánh trí, diệu quan sát trí và Thành sở tác trí, theo thứ tự phối hợp các loại tối thắng... nêu trên. Vì thế mà nêu lên năm nghĩa bậc nhất cùng tốt.

Kinh: [Vì thế, này Thiên đế... không nên dùng tài vật.]

Tán: Đây là lời khuyên. Chư Phật Bồ-tát, chỗ làm của bản tâm là đều muốn khiến cho các hữu tình tu tập pháp hạnh, sẽ được xuất thế, cho nên cúng dường pháp thù thắng hơn cúng dường tài vật. Hội Thắng Thiên Vương, kinh Bát-nhã nói rằng: “Hai người xa lìa, giặc của vua, chẳng thể xâm đoạt kho báu lớn, trăm ngàn đại kiếp vui nghe pháp, được nghe chẳng giữ chẳng ban phát, tâm đại Bồ-đề hộ chánh pháp, như giáo tu hành tu cúng dường, tự lợi lợi tha tâm bình đẳng, thế mới thật là chân cúng Phật”. Trong các loại cúng dường thì cúng dường pháp là bậc nhất. Sách thế tục còn nói rằng: “Cho dù một ngày giết ba con trâu để cúng dường cho cha mẹ, còn gọi là bất hiếu”, hà huống gì xuất gia? Vì Phật vốn chẳng mong cầu cúng dường tài vật. Kinh Kim Cang ghi: “Mỗi ngày xả bỏ thân ba thường hằng này, còn không bằng thọ trì bốn câu kệ”, cho nên cúng dường pháp thù thắng hơn cúng dường tài vật đến vô lượng. Vì tài vật làm sinh trưởng các hoặc, như cõi nước là bụi, pháp hay diệt ác như mặt trời chiếu phá tối tăm, cho nên chẳng thể ví dụ.
